

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 1705/QĐ-TTg); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển giáo dục tỉnh Đắk Nông hiện đại, kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu văn minh nhân loại, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, trong đó chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng lập nghiệp của mỗi cá nhân để phát triển toàn diện con người, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc.

Triển khai thực hiện hệ thống giáo dục theo hướng mở, xây dựng xã hội học tập, đảm bảo công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, phục vụ học tập suốt đời, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa, hội nhập quốc tế.

Đảm bảo đến năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại với nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Giáo dục mầm non

Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt 38% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 97% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo.

Phấn đấu có 99,5% trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục được nâng cao, đảm bảo trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị vào học lớp 1.

100% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

Phần đầu tỷ lệ trường mầm non dân lập, tư thục đạt 30%, số trẻ em theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục đạt 35%.

Phần đầu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; có trên 65% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

b) Giáo dục phổ thông

Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%, cấp trung học cơ sở đạt 97%; tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,7%, trung học cơ sở đạt 99% và hoàn thành cấp trung học phổ thông đạt 95%; tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở đạt 99,5%, từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông và các trình độ khác đạt 95%; 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày.

100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

Phần đầu số cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đạt 3,5% và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đạt 3%.

Phần đầu tỷ lệ phòng học kiên cố cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông đạt 100%; có 70% trường tiểu học, 75% trường trung học cơ sở và 60% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

c) Giáo dục đại học

Phần đầu số sinh viên đại học/vạn dân đạt 250, tỷ lệ sinh viên đại học trong nhóm độ tuổi 18-22 đạt 33%.

d) Giáo dục thường xuyên

Phần đầu tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt 99,15%; Tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Có ít nhất 4/8 huyện/thành phố được công nhận danh hiệu huyện/thành phố học tập.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo

Triển khai đầy đủ và hiệu quả các văn bản trong danh mục tại phụ lục kèm theo Quyết định số 1705/QĐ-TTg sau khi Trung ương ban hành.

Tổ chức rà soát các cơ chế, chính sách của địa phương không còn phù hợp, không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ liên quan đến đầu tư, tài chính, tài sản công, ngân sách Nhà nước và tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập, chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng và thuế đối với tất

cả cơ sở giáo dục, chính sách xã hội hoá giáo dục để tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới bảo đảm đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế; tạo động lực thúc đẩy hợp tác và cạnh tranh bình đẳng trong mạng lưới cơ sở giáo dục công lập và tư thục, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển giáo dục.

Triển khai chương trình giáo dục mầm non mới với nội dung và phương pháp tiên tiến, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương; nâng cao chất lượng việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; triển khai thực hiện đầy đủ các chương trình giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, phát huy năng lực tự học, năng lực sáng tạo của người học.

Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách tiền lương, tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, chính sách động viên đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số, chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với nhà giáo công tác tại cơ sở giáo dục chuyên biệt.

2. Đổi mới quản lý giáo dục và quản trị nhà trường

Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lý nhà nước về giáo dục và bộ máy quản lý theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên thông trong quản lý nhà nước từ tỉnh tới các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp; thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến. Triển khai thực hiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp; tăng cường năng lực thực thi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong việc quyết định về biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành giáo dục.

Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục theo hướng khoa học, hiện đại phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế, thực tiễn ở nước ta và của địa phương; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ của các cơ sở giáo dục; bảo đảm việc tham gia của người học, gia đình và xã hội trong giám sát các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục và quản trị nhà trường. Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục lành mạnh, phù hợp với yêu cầu của gia đình và xã hội. Đánh giá toàn diện việc thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh, để có giải pháp phù hợp, tạo thuận lợi cho công tác quản lý và phát triển hệ thống này trong thời gian tới.

Tăng cường chất lượng của công tác lập kế hoạch; tổ chức dự báo, cung cấp thường xuyên các thông tin về phát triển giáo dục và nhu cầu nhân lực của xã hội cho các ngành, các cấp, các cơ sở giáo dục.

Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về giáo dục; thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn về công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ sở giáo dục, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch. Tăng cường năng lực đội ngũ thanh tra giáo dục để góp phần nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

3. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

Thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân, nhất là của vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu đô thị đông dân cư, khu công nghiệp và các đối tượng là trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng yếu thế khác. Tăng cường dạy học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số, gìn giữ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Thực hiện chính sách hỗ trợ trẻ dưới 36 tháng tuổi được vào học ở nhà trẻ, nhất là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị đông dân cư. Nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, tiến tới xóa mù chức năng.

Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho người học là đối tượng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; chính sách tín dụng giáo dục, học bổng, trợ cấp xã hội cho người học; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt, tạo cơ hội học tập công bằng cho mọi người; chính sách cho sinh viên theo chế độ cử tuyển, học sinh trường dự bị đại học, người học là người dân tộc thiểu số rất ít người.

Bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Tiếp tục triển khai có hiệu quả ba phương thức giáo dục cho người khuyết tật là phương thức giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập và chuyên biệt, trong đó đặc biệt quan tâm đến phương thức giáo dục hòa nhập.

Củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh nhằm duy trì kết quả phổ cập giáo dục và tạo nguồn đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân

Triển khai thực hiện hệ thống giáo dục theo hướng mở; linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học,

thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Gắn kết liên thông giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa phương, bảo đảm đủ trường, lớp học và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở tiến tới thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục tư thục ở những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển. Nghiên cứu phát triển các mô hình mới như trường học số, trường học thông minh, trường học hạnh phúc, trường công lập tự chủ.

Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, linh hoạt, hiệu quả bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập.

Xây dựng kế hoạch thực hiện Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh sau khi Chính phủ phê duyệt Quy hoạch.

Rà soát, ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học.

5. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục

Triển khai thực hiện Đề án đổi mới Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm đồng bộ về nội dung và phương pháp, liên thông với đổi mới giáo dục phổ thông; tăng cường quản lý việc thực hiện Chương trình trong các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, quan tâm hỗ trợ chuyên môn đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập; chuẩn bị đủ các điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới.

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học; đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; nâng cao năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân.

Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh; khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tài liệu, đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên. Tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục, bồi dưỡng, thúc đẩy tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp cho học sinh phổ thông.

Thực hiện chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông.

Nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng và an ninh, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho học sinh. Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, bảo đảm thời lượng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, xây dựng trường học an toàn, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Xây dựng các tiêu chí, yêu cầu cần đạt để đánh giá tính tích cực, chủ động của học sinh khi tham gia các hoạt động.

Đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; thúc đẩy môi trường học tập hài hoà, hạnh phúc, giảm nhẹ áp lực học tập, phát huy tối đa tiềm năng của người học, khuyến khích học theo đam mê và sở thích. Hoàn thiện các phương thức đánh giá, tiếp cận các thông lệ tốt của quốc tế, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tăng cường phân tích kết quả đánh giá phục vụ dạy học và quản lý giáo dục. Đẩy mạnh công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Tham gia hiệu quả các chu kỳ đánh giá diện rộng cấp quốc gia nhằm định kỳ cung cấp các thông tin khách quan, tin cậy về chất lượng giáo dục phổ thông, làm cơ sở đề xuất các giải pháp đổi mới các hoạt động dạy và học đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và hội nhập quốc tế. Khuyến khích tổ chức, cá nhân, người sử dụng lao động tham gia xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học.

Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; khuyến khích dạy học một số môn học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông; đảm bảo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ. Thực hiện Đề án Ngoại ngữ Quốc gia trong giai đoạn mới.

Phát hiện sớm, bồi dưỡng và định hướng phát triển năng khiếu, tài năng trong học sinh, nhất là trong các môn học, các ngành nghề STEM; ưu tiên tuyển chọn và cấp học bổng cho những cá nhân xuất sắc đi học tập ở nước ngoài theo các chương trình học bổng có sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với định hướng phát triển nhân lực quốc gia.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp.

Sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có; tuyển dụng, sử

dụng giáo viên đảm bảo các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên được bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Chương trình giáo dục thường xuyên.

Rà soát, thực hiện cơ chế, chính sách tuyển dụng, quản lý sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, yên tâm công tác và cống hiến; đồng thời thu hút được người giỏi vào ngành giáo dục và tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục phát triển; nghiên cứu, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về giáo dục đào tạo ở các cấp học gắn với thực hiện cơ chế chính sách phát triển đội ngũ. Thực hiện chính sách khuyến khích, ưu đãi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số, nhà giáo đang công tác trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục

Bố trí ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo bảo đảm đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo quy định và quản lý sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi, xoá mù chữ, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, các nhiệm vụ trọng điểm, các chương trình mục tiêu, các ngành nghề mũi nhọn; ưu tiên đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Triển khai thực hiện cơ chế phân bổ nguồn lực theo hướng chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ giáo dục theo kết quả đầu ra. Thực hiện cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của một số loại hình dịch vụ đào tạo. Tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của nhà nước đối với người học ở trường công lập và tư thục. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích cộng đồng, xã hội tham gia phát triển giáo dục, nhất là đầu tư phát triển các loại hình cơ sở giáo dục tư thục đáp ứng nhu cầu xã hội, nhất là loại hình tư thục chất lượng cao và không vì lợi nhuận.

Tăng cường huy động và thu hút các nguồn lực cho phát triển giáo dục. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo có thành tích học tập tốt.

Triển khai chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông bảo đảm điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình. Đồng thời, tích hợp các mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học vào các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đầu tư xây dựng các trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại, vốn đầu tư, tài trợ của tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư công để gia tăng thu hút các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục

Tích cực thực hiện đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, quản lý giáo dục; hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục, đồng bộ, thống nhất kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, các cấp quản lý giáo dục, kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; tất cả cơ sở giáo dục triển khai dạy học, quản lý nhà trường trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả, tạo nên hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

Triển khai theo quy định việc xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, đáp ứng cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Phát triển kho học liệu số dùng chung toàn ngành Giáo dục. Khuyến khích khai thác dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu, thí điểm và triển khai các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh.

Đảm bảo các điều kiện về nhân lực và hạ tầng số, đường truyền, băng thông, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin, ưu tiên hỗ trợ các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong hợp tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng và thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

9. Tăng cường hội nhập quốc tế

Triển khai các chương trình hợp tác quốc tế về giáo dục do Trung ương triển khai phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh.

Tăng cường mô hình kết nghĩa giữa các cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh và nước ngoài. Tham gia các chương trình đánh giá, xếp hạng chất lượng giáo dục quốc tế đối với giáo dục phổ thông.

Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước đối với giảng viên các ngành khoa học mũi nhọn mà tỉnh có nhu cầu; khuyến khích việc học tập và nghiên cứu khoa học ở nước ngoài bằng các nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

Đẩy mạnh hợp tác và đầu tư với nước ngoài, phát triển các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông chất lượng cao; tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục đại học chất lượng cao, có uy tín của nước ngoài mở phân hiệu tại tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch, bao gồm:

Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành (tỉnh, huyện, xã).

Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ODA.

Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

Nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Các Sở, Ban, ngành và địa phương lập dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện kế hoạch và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông, bảo đảm đủ trường, lớp học và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở tiến tới thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cơ bản bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, đáp ứng nhu cầu thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, phổ thông. Tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

Rà soát, tham mưu cấp thẩm quyền xem xét ban hành chính sách khuyến khích, ưu đãi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số, nhà giáo đang công tác trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt.

Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc, các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch dài hạn và hằng năm phù hợp với đặc điểm tình hình xã hội địa phương, đơn vị và theo đúng quy định.

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai Kế hoạch. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước kế hoạch trung hạn và hằng năm cho các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo dục và đào tạo thực hiện mục tiêu, giải pháp của Kế hoạch.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hút nhà đầu tư dự án ngoài ngân sách thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh đúng quy định của pháp luật.

Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao, đề xuất của các cơ quan, đơn vị (cấp tỉnh), tổng hợp tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách nhà nước cho ngành giáo dục và đào tạo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đề xuất và báo cáo cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí kinh phí hằng năm để triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ trên cơ sở đề xuất đặt hàng của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Trung ương ưu tiên bố trí, bổ sung biên chế ngành giáo dục sát với nhu cầu của địa phương theo định mức do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục đến năm 2030.

Chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc tại các cơ sở giáo dục trong tỉnh, tổ chức dạy và học bằng tiếng nước ngoài tại các cơ sở giáo dục của tỉnh.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các địa phương hướng dẫn, tạo điều kiện cho các nhà trường được sử dụng các công trình thể thao trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường để học sinh phát triển toàn diện đức, trí, thể, mỹ.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai đến các cơ quan báo chí, truyền thông trong tỉnh tuyên truyền các nội dung tại Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

6. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong phát triển hệ thống y tế trường học, đảm bảo việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho trẻ em, học sinh để cải thiện, nâng cao thể lực, sức khỏe của trẻ em, học sinh trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Tuyên truyền và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể hóa vào Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh.

8. Đề nghị Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Đắk Nông, Hội Khuyến học tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với tình hình, điều kiện của địa phương.

Phối hợp với Sở Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo cân đối ngân sách, kế hoạch đầu tư các hạng mục công trình phục vụ cho giáo dục và đào tạo đảm bảo thực hiện có hiệu quả Kế hoạch.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc rà soát quy hoạch, sắp xếp mạng lưới trường, lớp; đầu tư, xây dựng phòng học kiên cố cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn đạt tỷ lệ 100%; tăng cường mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục; quan tâm đến các điều kiện bảo đảm phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia tại địa phương.

Tăng cường công tác quy hoạch, bố trí đủ quỹ đất cho phát triển giáo dục và đào tạo theo quy định; quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

Thực hiện xây dựng đội ngũ nhà giáo bảo đảm chuẩn hóa và tỷ lệ giáo viên/lớp theo quy định; tuyển dụng, sử dụng hết số biên chế giáo viên được cấp có thẩm quyền giao hằng năm, trong đó ưu tiên bố trí tuyển dụng biên chế giáo viên ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội hóa đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, tăng số lượng trường tư thục cấp tiểu học, trung học cơ sở, bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa khu vực công và khu vực tư.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị liên quan triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện cho từng giai đoạn và hằng năm, bảo đảm hoàn thành mục

tiêu của Kế hoạch, gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để tổng hợp, kiểm tra, giám sát, đánh giá quá trình triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT, TC, NV, KH&CN, YT, VH&DL, DT&TG;
- Các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH Đắk Nông;
- Hội khuyến học tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_(VN).

02

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Tôn Thị Ngọc Hạnh

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

(Kèm theo Kế hoạch số: 145 /KH-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp phê duyệt
1	Kế hoạch thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2025)	UBND tỉnh
2	Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới chương trình giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2025)	UBND tỉnh
3	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2026)	UBND tỉnh
4	Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2026)	UBND tỉnh
5	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2026)	UBND tỉnh
6	Kế hoạch thực hiện Đề án đảm bảo điều kiện để thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo Luật Giáo dục năm 2019 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2027)	UBND tỉnh
7	Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục Việt Nam trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2026)	UBND tỉnh
8	Kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2026)	UBND tỉnh
9	Kế hoạch thực hiện Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2025)	UBND tỉnh
10	Kế hoạch thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2025)	UBND tỉnh

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp phê duyệt
11	Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới hình thức thi tốt nghiệp THPT thí điểm từ năm 2027 và triển khai đồng bộ sau năm 2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2026)	UBND tỉnh
12	Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng văn hóa học đường giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2026)	UBND tỉnh
13	Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2026 - 2035	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án (2025)	UBND tỉnh
14	Kế hoạch thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2026 - 2035, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2025)	UBND tỉnh
15	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển y tế học đường trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2025)	UBND tỉnh
16	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2026)	UBND tỉnh
17	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển và bảo tồn tiếng nói, chữ viết các dân tộc giai đoạn 2030 - 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (2029)	UBND tỉnh